

Teaching practicum models in Finland, Singapore, the ETEP universities, and the model in Quy Nhon University: A comparison study

Vo Duy Duc^{1,*}, Vo Van Duyen Em¹, Nguyen Thi Tuong Loan²

¹*Faculty of Education, Quy Nhon University, Vietnam*

²*Faculty of Primary and Preschool Education, Quy Nhon University, Vietnam*

Received: 27/01/2022; Revised: 14/02/2022;

Accepted: 24/02/2022; Published: 28/04/2022

ABSTRACT

Teaching practicum is an integral part of a teacher education programme. The purpose of this study is to investigate the models offered by the eight institutions of the ETEP, the model used in Singapore, the one in Finland, and the practicum model currently being used by Quy Nhon University to find out an advanced model that works best in the teaching context of the university. The study was conducted by the employment of descriptive and statistical analysis methods. The findings show that there is a striking difference between the practicum model being used by Quy Nhon University and the model offered by the ETEP institutions in terms of the amount of time for students' school experience and teaching practices at school and the mode of organizing the practicum and that the difference is even more significant when the model used by Quy Nhon University and the Singaporean and Finnish models are put side by side for comparison. The role of the stakeholders in practicum is another difference between the models. The study indicates a need for a new model of practicum to enhance the quality of teacher education at Quy Nhon University.

Keywords: *Teaching practicum model, teacher education, ETEP, Singaporean practicum model Finnish practicum model.*

**Corresponding author:*

Email: voduyduc@qnu.edu.vn

Mô hình thực tập sư phạm tại Phần Lan, Singapore, các trường trong hệ thống ETEP và mô hình tại Trường Đại học Quy Nhơn: Nghiên cứu đối sánh

Võ Duy Đức^{1,*}, Võ Văn Duyên Em¹, Nguyễn Thị Tường Loan²

¹Khoa Sư phạm, Trường Đại học Quy Nhơn, Việt Nam

²Khoa Giáo dục tiểu học và mầm non, Trường Đại học Quy Nhơn, Việt Nam

Ngày nhận bài: 27/01/2022; Ngày sửa bài: 14/02/2022;

Ngày nhận đăng: 24/02/2022; Ngày xuất bản: 28/04/2022

TÓM TẮT

Thực tập sư phạm (TTSP) là một phần quan trọng trong chương trình đào tạo giáo viên. Mục đích của công trình nghiên cứu này là tìm hiểu mô hình TTSP của các trường sư phạm trong hệ thống ETEP, mô hình của Singapore, và mô hình của Phần Lan, và thực trạng của mô hình TTSP của Trường Đại học Quy Nhơn; từ đó có thể tìm ra mô hình TTSP tiên tiến, phù hợp với điều kiện giáo dục của Nhà trường. Bằng phương pháp mô tả kết hợp với phân tích thống kê, công trình nghiên cứu cho thấy sự khác biệt rõ nét giữa mô hình TTSP của Trường Đại học Quy Nhơn và mô hình của các trường sư phạm trong hệ thống ETEP về thời lượng trải nghiệm và thực hành sư phạm của sinh viên cũng như phương thức tổ chức TTSP và sự khác nhau này càng rõ nét khi so sánh với mô hình TTSP của Singapore và Phần Lan. Vai trò của các bên liên quan trong TTSP cũng là một sự khác biệt giữa các mô hình này. Kết quả nghiên cứu cho thấy cần thiết phải đổi mới mô hình TTSP của Trường Đại học Quy Nhơn để nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên của Nhà trường.

Keywords: Mô hình thực tập sư phạm, đào tạo giáo viên, ETEP, mô hình thực tập sư phạm Singapore, mô hình thực tập sư phạm Phần Lan.

1. MỞ ĐẦU

Thực tập sư phạm (TTSP) là một phần quan trọng trong chương trình đào tạo giáo viên. Mỗi trường sư phạm xây dựng mô hình TTSP riêng cho mình dựa trên điều kiện mỗi nhà trường và khả năng đáp ứng hoạt động TTSP của hệ thống trường phổ thông ở địa phương, hệ thống trường phổ thông thực hành. Tuy nhiên, mục tiêu chung của tất cả các mô hình TTSP của các cơ sở đào tạo sư phạm là trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng để đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo từng giai đoạn phát triển của xã hội.

Nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp cho sinh viên các ngành sư phạm đáp ứng Chuẩn nghề nghiệp của giáo viên phổ thông và Chương trình giáo dục phổ thông mới 2018 theo Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT, ban hành ngày 22 tháng 8 năm 2018,¹ Trường Đại học Quy Nhơn đã triển khai nghiên cứu đổi mới mô hình TTSP. Để tìm ra mô hình tiên tiến, phù hợp với điều kiện của Nhà trường, đồng thời đáp ứng được chuẩn nghề nghiệp của giáo viên trong thời kỳ mới, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu mô hình của một số trường sư phạm điển hình trong nước, trong khu vực, và trên thế giới. Trong nước chúng tôi

*Tác giả liên hệ chính.

Email: voduyduc@qnu.edu.vn

nghiên cứu mô hình TTSP của các cơ sở đào tạo sư phạm trong hệ thống ETEP. Trong khu vực, chúng tôi nghiên cứu mô hình TTSP ở Singapore, và trên thế giới chúng tôi đã tìm hiểu mô hình của Phần Lan.

2. NỘI DUNG

2.1. Mô hình TTSP ở Phần Lan

Nói đến Phần Lan, người ta nghĩ ngay đến nền giáo dục tiên tiến của quốc gia Bắc Âu này. Theo báo cáo của Tổ chức Phát triển và Hợp tác kinh tế thế giới (OECD) năm 2014,² trước năm 2000, Phần Lan hầu như không nằm trong danh sách những nước có nền giáo dục phát triển và học sinh Phần Lan chưa bao giờ đạt trên điểm trung bình trong các kỳ thi toán và khoa học quốc tế. Tuy nhiên chỉ hơn 1 thập kỷ, Phần Lan được thế giới biết đến là quốc gia có nền giáo dục đứng đầu thế giới. Hiện tượng này có tên gọi là Finnish Miracle (Tạm dịch: Điều kỳ diệu Phần Lan) và đã thu hút nhiều nhà nghiên cứu giáo dục trên thế giới,³ trong đó có TS. Tony Wagner của Đại học Harvard. TS. Wagner cùng nhà làm phim tài liệu Bob Compton xây dựng bộ phim tài liệu dài 60 phút có tiêu đề “The Finland Phenomenon: Inside The World’s Most Surprising School System” (Tạm dịch: Hiện tượng Phần Lan – Bên trong hệ thống trường học đáng ngạc nhiên nhất trên thế giới) (OECD)⁴ để nói lên sự chuyển biến kỳ diệu của nền giáo dục Phần Lan. Một số điểm đáng chú ý về ngành đào tạo giáo viên tại Phần Lan:

- Ở Phần Lan, nghề nhà giáo được xã hội tôn vinh và người giáo viên được đào tạo bài bản;

- Tỷ lệ xét tuyển đầu vào rất khắt khe. Chỉ 10% thí sinh dự thi được chọn vào ngành sư phạm; sự lựa chọn sinh viên ngành sư phạm được thực hiện qua 2 giai đoạn: (1) xét điểm trúng tuyển và (2) đánh giá về khả năng giao tiếp, tư duy, phân biện dưới hình thức phỏng vấn;⁵

- Tất cả giáo viên dạy từ tiểu học đến trung học phổ thông phải có bằng thạc sĩ trong chương trình học 5 năm. Giáo viên nhà trẻ và mầm non phải có bằng cử nhân;⁶

- Một điều đáng chú ý là tất cả các cơ sở

đào tạo giáo viên tại Phần Lan đều có trường thực hành.

Có ít nhất 4 yếu tố làm nên sự khác biệt trong ngành đào tạo giáo viên tại Phần Lan:³

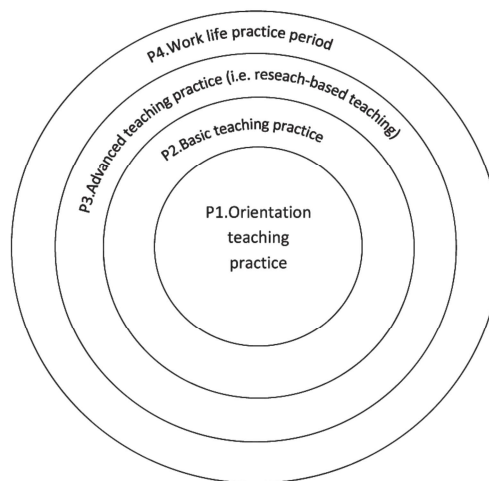
- Đào tạo giáo viên theo hướng nghiên cứu giúp giáo viên đảm nhiệm hai vai trò trong nghề nghiệp của mình là giảng dạy và nghiên cứu giáo dục (teacher-as-researcher) để đảm bảo quá trình phát triển chuyên môn nghiệp vụ;

- Tập trung phát triển kiến thức nghiệp vụ sư phạm;

- Đào tạo giáo viên toàn diện để có thể giảng dạy các đối tượng người học với cách thức học tập khác nhau;

- Đẩy mạnh công tác thực tập sư phạm.

Chương trình đào tạo giáo viên tại Phần Lan kéo dài trong 5 năm, trong đó 3 năm đầu cho chương trình cử nhân và 2 năm cuối cho chương trình thạc sĩ. Tổng số khối lượng kiến thức trong 5 năm là 300 tín chỉ (TC) (mỗi TC bằng 27 giờ học tập), trong đó thời lượng dành cho các học phần liên quan đến sư phạm chiếm 60 TC.^{4,8} Trong chương trình 5 năm học, sinh viên trải qua nhiều giai đoạn TTSP như: định hướng nghề nghiệp (orientation practice), thực hành căn bản (basic practice), đến thực hành nâng cao (advanced practice), và thực hành cuối khóa (final practice) hay còn gọi là thực hành thực tế nghề nghiệp (work life practice).



Hình 1. Mô hình thực tập sư phạm qua 4 vòng tròn mở rộng⁷

Trong giai đoạn *Định hướng nghề nghiệp* (3 TC), sinh viên được làm quen với môi trường phổ thông và các công việc khác nhau của giáo viên như soạn giáo án, giảng dạy và các công việc khác. Sang giai đoạn *Thực hành căn bản* (7 TC), sinh viên tiếp tục làm quen với phân phối chương trình giảng dạy, học cách soạn giáo án, áp dụng những lý thuyết giảng dạy ở trường đại học để thực hiện các tiết dạy cá nhân hoặc theo nhóm cùng với những sinh viên khác và cuối cùng là phân tích kết quả giảng dạy để rút kinh nghiệm. Ngoài ra, trong giai đoạn thực hành căn bản, sinh viên còn học cách đánh giá quá trình và đánh giá kết quả học tập của học sinh. Giai đoạn tiếp theo, *Thực hành nâng cao* (7 TC), là

giai đoạn thực hành giảng dạy dựa trên nghiên cứu hoạt động giáo dục trong lớp học (research-based teaching). Trong giai đoạn này, sinh viên tiếp tục phát triển kỹ năng giảng dạy thông qua việc tìm hiểu những hoạt động trong lớp học để cải tiến công việc giảng dạy của mình. Giai đoạn cuối cùng trong chương trình đào tạo 5 năm là giai đoạn *Thực hành thực tế nghề nghiệp* (work life practice) có khối lượng kiến thức tương đương 5 tín chỉ. Trong giai đoạn thực tập này, sinh viên phải tự tìm nơi thực tập để thực hiện việc giảng dạy cũng như thực hiện các công tác giáo dục khác. Cấu trúc TTSP được tóm tắt trong Bảng 1 dưới đây:

Bảng 1. Cấu trúc TTSP của Phần Lan⁷

Năm học	Trình độ	Giai đoạn TTSP	Học phần lý thuyết tích hợp	Địa điểm TTSP
Năm nhất	Cử nhân	Định hướng nghề nghiệp (3 TC)	Nhập môn giảng dạy và giáo dục (3 TC)	Trường thực hành
Năm ba	Cử nhân	Thực hành căn bản (7 TC)	Soạn giáo án, kiểm tra đánh giá quá trình dạy và học (3 TC)	Trường thực hành
Năm tư	Thạc sĩ	Thực hành nâng cao (7 TC)	Tích hợp giảng dạy và nghiên cứu hành động (3 TC)	Trường thực hành
Năm năm	Thạc sĩ	Thực hành ứng dụng (5 TC)		Trường phổ thông ở Phần Lan hoặc nước ngoài

Với mô hình trên, công tác TTSP ở Phần Lan được tổ chức trong suốt khóa học (trừ năm thứ 2) trong chương trình đào tạo giáo viên 05 năm. Có thể thấy rằng sinh viên Phần Lan có thể tiếp cận với môi trường giáo dục rất sớm (từ năm thứ nhất) để có những định hướng nghề nghiệp, phát triển lòng yêu nghề, và có những bước chuẩn bị cần thiết cho việc học tập cũng như TTSP trong những năm tiếp theo. Bên cạnh đó, khối lượng kiến thức đạt được khá nhiều trong mỗi đợt TTSP (từ 3 đến 7 TC); các đợt TTSP được sắp xếp một cách khoa học từ trải nghiệm

đến giảng dạy thực thụ, giúp sinh viên từng bước tiếp cận và thực hành nghề nghiệp giảng dạy dễ dàng và hiệu quả.

2.2. Mô hình TTSP ở Singapore

Singapore được thế giới biết đến là một trong những quốc gia có nền giáo dục tiên tiến được nhiều nước mong ước và học tập.⁸ Tác giả còn cho biết thêm chính giáo dục là yếu tố quan trọng giúp Singapore chuyển đổi từ một làng chài (fishing village) sang một quốc gia thuộc thế giới thứ nhất (a first world country).

Có 3 yếu tố góp nên thành công của nền giáo dục Singapore: (1) chọn đúng người để trở thành giáo viên; (2) đào tạo họ thành những giáo viên có năng lực; (3) đảm bảo mọi trẻ em có cơ hội học tập tốt.⁸ Giống như Phần Lan, việc tuyển sinh viên đầu vào các ngành sư phạm rất khắt khe. Chỉ có 30% thí sinh được tuyển vào ngành sư phạm.⁸

Viện Giáo dục quốc gia Singapore (viết tắt là NIE) là cơ sở đào tạo giáo viên duy nhất tại quốc gia này. Trước những thử thách của thế kỷ 21 và sự phát triển giáo dục toàn cầu, NIE đã đưa ra một mô hình đào tạo giáo viên mới cho thế kỷ 21 (viết tắt là TE21) với trọng tâm là mô hình TTSP mới có tên gọi The New Enhanced Practicum Model (Mô hình TTSP nâng cao). Mô hình này dựa trên ba nền tảng căn bản:

- Triết lý: giảng dạy là một hoạt động nghề nghiệp sáng tạo và TTSP tạo ra những cơ hội cho các nhà giáo tương lai thực hành và chiêm nghiệm nghề nghiệp của mình. Với mô hình TTSP mới, giáo sinh được xuống phổ thông với nhiều thời điểm khác nhau với nhiều vai trò khác nhau như: trải nghiệm, trợ giảng, và trực tiếp giảng dạy.

- Sự phối hợp: sự phối hợp giữa cơ sở đào tạo giáo viên và trường phổ thông là cực kỳ quan trọng. Việc đào tạo giáo viên được xem là nỗ lực chung giữa cơ sở đào tạo giáo viên và trường phổ thông; sinh viên sư phạm, sau khi hoàn thành khóa học tại trường đại học sư phạm, sẽ trở thành kiểu mẫu giáo viên mà trường phổ thông muốn tuyển dụng. Theo Liu và các tác giả khác,⁹ NIE có nhiệm vụ đào tạo kiến thức học thuật cho sinh viên sư phạm trong khi trường phổ thông đóng vai trò lớn hơn, năng động hơn trong công tác hỗ trợ TTSP cho giáo sinh và trong các hoạt động khác. Sự phối hợp này giúp tăng cường sự kết nối giữa việc học tại

cơ sở giáo dục đại học và thực hành giảng dạy ở trường phổ thông.

- Sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành: Kiến thức các khóa học tại cơ sở đào tạo giáo viên được cho là những mảnh ghép rời rạc trong chương trình đào tạo giáo viên. Việc học để trở thành giáo viên giống như việc lắp ráp các phụ tùng ô tô dựa trên việc học lý thuyết trên lớp và thực hành giảng dạy ở tại trường phổ thông.

Trường phổ thông không chỉ là nơi học tập của học sinh mà còn là cơ sở thực hành sư phạm cho những nhà giáo tương lai. Trong chương trình học 4 năm, sinh viên sư phạm có cơ hội xuống trường phổ thông hằng năm với các khoảng thời gian khác nhau. *Năm thứ nhất*, sinh viên được xuống trường phổ thông để trải nghiệm giáo dục, tìm hiểu học sinh, tìm hiểu việc dạy và học. Trong thời gian này sinh viên yêu cầu phải tìm hiểu tổ chức và quản lý lớp học. Những thông tin thu thập được trong đợt trải nghiệm này sẽ được dùng trong khóa học khi trở về trường đại học. *Năm thứ hai*, sinh viên xuống trường phổ thông dự giờ và trợ giảng, hỗ trợ giáo viên các công việc như chuẩn bị đồ dùng dạy học, quản lý lớp học. Cuối đợt, sinh viên phải viết báo cáo về các hoạt động trải nghiệm của mình. *Năm thứ 3*, sinh viên xuống trường phổ thông để tiến hành việc thực tập giảng dạy 1 (Teaching Practice 1). Trong đợt thực tập này, giáo sinh có cơ hội: dự giờ giáo viên, soạn giáo án, quản lý lớp học, cùng với giáo viên dạy một phần trong bài học, và cuối cùng là dạy một bài hoàn chỉnh. *Năm cuối*, sinh viên được đưa xuống trường phổ thông để thực tập giảng dạy 2 (Teaching Practice 2). Trong thời gian này, sinh viên tiếp tục dự giờ, dạy một phần bài giảng, và cuối cùng là dạy một bài độc lập.¹⁰ Cấu trúc tổng thể chương trình TTSP của Singapore được trình bày trong Bảng 2 dưới đây.

Bảng 2. Cấu trúc thực tập sư phạm của NIE¹¹

Các giai đoạn	Thời lượng	Thời gian	Số lần sinh viên dự giờ giáo viên phổ thông	Số lần giảng viên đến trường phổ thông và dự giờ
<i>Trải nghiệm giáo dục</i>	2 tuần	Trước học kỳ 1 của năm 2	Không	Không
<i>Trợ giảng</i>	5 tuần	Trước học kỳ 1 của năm 3	Không, nhưng sinh viên trợ giảng từ tuần 3-5	2 lần đến trường phổ thông (có thể gọi điện thoại hoặc đến trường vào cuối đợt thực tập)
<i>Thực tập giảng dạy 1</i>	5 tuần	Trước học kỳ 1 của năm 4	2	2 lần đến trường phổ thông; dự giờ từ 1-2 tiết
<i>Thực tập giảng dạy 2</i>	10 tuần	Học kỳ 2 của năm 4	6	2 lần đến trường phổ thông; dự giờ 2 tiết

Với mô hình trên, sinh viên Singapore được tiếp cận giáo dục ở trường phổ thông ngay từ năm thứ nhất và công tác TTSP được tổ chức hằng năm trong những năm tiếp theo. Đặc biệt, với mô hình này, sinh viên được trợ giảng, dự giờ giáo viên hướng dẫn; giảng viên xuống phổ thông dự giờ đánh giá sinh viên trong các đợt TTSP1 và TTSP2. Tổng thời gian dành cho các đợt TTSP (22 tuần) cũng là một điều đáng chú ý trong mô hình TTSP của Singapore.

Tóm lại, nghiên cứu về chương trình đào tạo giáo viên và mô hình TTSP của hai quốc gia có nền giáo dục đứng đầu thế giới là Phần Lan và Singapore cho thấy những điểm tương đồng từ khâu tuyển sinh đến quá trình đào tạo và công tác tổ chức TTSP. Cả hai quốc gia trên đều chú trọng đến chất lượng đầu vào của sinh viên ngành sư phạm và tăng cường thời lượng TTSP cho sinh viên. Cụ thể, ở Phần Lan, tổng số tín chỉ cho các học phần thực hành sư phạm là 22 tín chỉ, được tổ chức ở bốn kỳ và được triển khai tại trường thực hành sư phạm hoặc trường phổ thông. Ở Singapore, TTSP cũng được tổ chức suốt quá trình học tập từ năm nhất đến năm cuối với tổng thời lượng là 22 tuần tại trường phổ thông. Thực tế trên cho thấy TTSP đóng vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo giáo viên ở những nước có nền giáo dục phát triển.

2.3. Mô hình TTSP của các trường DHSP trong hệ thống ETEP

2.3.1. Mô hình đào tạo giáo viên tại Việt Nam

Hai mô hình đào tạo giáo viên ở Việt Nam gồm: Mô hình đào tạo đồng thời hay còn gọi là Mô hình song song (Concurrent Model) và Mô hình nối tiếp (Consecutive Model) hay còn gọi là Mô hình A+B. Mô hình đào tạo song song chính là mô hình đào tạo sư phạm truyền thống như mô hình đào tạo sư phạm của Trường Đại học Quy Nhơn và nhiều trường sư phạm khác ở Việt Nam. Đối với Mô hình đào tạo song song, sinh viên sư phạm được học các học phần về khoa học giáo dục, về phương pháp giảng dạy và nghiệp vụ sư phạm song song với các học phần về kiến thức chuyên ngành, kiến thức khoa học cơ bản. Trong khi đó, đối với Mô hình đào tạo nối tiếp, giai đoạn đầu sinh viên học các học phần về chuyên môn, về khoa học cơ bản (trong 3 năm) và tiếp theo là học các học phần về khoa học giáo dục, phương pháp giảng dạy và nghiệp vụ sư phạm (trong vòng 1 năm).^{12, 13}

Mỗi mô hình đều có những ưu và nhược điểm khác nhau. Đối với Mô hình đào tạo song song, sinh viên được định hướng sớm vào nghề dạy học và có thời gian để tiếp thu tri thức và năng lực sư phạm. Tuy nhiên, mô hình đào tạo

khép kín đầu vào và đầu ra gặp nhiều khó khăn trong giai đoạn hiện nay vì sinh viên ít có cơ hội chuyển đổi nghề nghiệp để đáp ứng sự thay đổi nhanh chóng của thế giới việc làm.^{12, 13} Trong khi đó, mô hình đào tạo tiếp nối có thể áp dụng cho sinh viên sư phạm và sinh viên theo học các ngành khác nhưng có nhu cầu được đào tạo nghề sư phạm. Rõ ràng đây là mô hình thể hiện tính mềm dẻo, linh hoạt, và hiệu quả, phù hợp với sự thay đổi nhanh về nhu cầu giáo viên của xã hội. Mô hình này thực sự phù hợp cho những trường đại học đào tạo đa ngành, phát huy sức mạnh tổng hợp của đội ngũ giảng viên các ngành khoa học cơ bản trong công tác đào tạo giáo viên. Đây là mô hình tiên tiến được nhiều nước trên thế giới áp dụng trong đó có Phần Lan. Tại Việt Nam, Đại học Giáo dục, Đại học quốc gia Hà Nội đang áp dụng mô hình này.

Năm 2021, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành 02 thông tư gồm: Thông tư 11/TT-BGDĐT ban hành chương trình và thực hiện bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên tiểu học¹⁴ và Thông tư 12/TT-BGDĐT ban hành chương trình và thực hiện bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên trung học cơ sở, trung học phổ thông.¹⁵ Đây chính là một phiên bản của mô hình đào tạo giáo viên theo kiểu tiếp nối hay còn gọi là Mô hình A+B. Như được trình bày ở trên, mô hình này đáp ứng được sự thay đổi trong thế giới việc làm và giúp sinh viên học những ngành ngoài sư phạm nếu có nguyện vọng có thể thực hiện được ước mơ trở thành nhà giáo.

Cho dù mô hình đào tạo nào được áp dụng, theo chúng tôi hai yếu tố cực kỳ quan trọng quyết định chất lượng đào tạo giáo viên là chất lượng tuyển sinh đầu vào của sinh viên ngành sư phạm và công tác đào tạo nghiệp vụ sư phạm.

Thực tế cho thấy chất lượng đầu vào của sinh viên các ngành sư phạm tại nước ta chưa cao. Năm học 2021 - 2022, tổng chỉ tiêu cho ngành Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên là 50.687 trong khi đó số lượng đăng ký nguyện vọng 1 là

64.138,^a tỷ lệ được xét là 79% . Trong khi đó, như đề cập ở trên, tỷ lệ thí sinh được xét tuyển vào ngành sư phạm ở Phần Lan và Singapore lần lượt là 10% và 30%. Theo chúng tôi, để đảm bảo sinh viên sư phạm đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2018,¹ thì việc nâng cao công tác đào tạo nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên thông qua hoạt động thực tập sư phạm là vô cùng cần thiết.

2.3.2. Mô hình TTSP của các cơ sở đào tạo sư phạm trong hệ thống ETEP

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên, Chương trình phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông, viết tắt là ETEP (Enhancing Teacher Education Program) được ra đời vào năm 2017 với sự tham gia của các cơ sở đào tạo sư phạm lớn trong nước gồm Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Đại học Sư phạm - ĐH Đà Nẵng, Đại học Sư phạm - ĐH Thái Nguyên, Đại học Sư phạm - ĐH Huế, Đại học Vinh, Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, và Học viện Quản lý Giáo dục.

Theo nghiên cứu của chúng tôi về chương trình đào tạo và quy chế TTSP của các trường trong hệ thống các trường sư phạm tham gia Chương trình ETEP, hầu hết các chương trình đào tạo đều có 2 học phần liên quan đến TTSP là Thực tập sư phạm 1 (TTSP1) (hay còn gọi là kiến tập) và Thực tập sư phạm 2 (TTSP2).

Quy chế TTSP của các trường nêu rõ mục tiêu của TTSP1 và TTSP2. Cụ thể, mục tiêu của TTSP1 là kiến tập giảng dạy và kiến tập chủ nhiệm. Đối với kiến tập giảng dạy, sinh viên (1) tìm hiểu nội dung công việc giảng dạy của người giáo viên, của tổ chuyên môn ở một trường học; (2) tìm hiểu về nội dung, chương trình, sách giáo khoa, kế hoạch giảng dạy của trường thực tập qua môn học, ngành học đang học và đang kiến

^a <https://nld.com.vn/giao-duc-khoa-hoc/bo-gd-dt-cong-bo-chi-tiet-so-lieu-thi-sinh-dang-ky-xet-tuyen-dai-hoc-2021-20210518162357165.htm>

tập giảng dạy; (3) tìm hiểu các loại hồ sơ, sổ sách lớp học; cách đánh giá, cho điểm, và các tài liệu hướng dẫn chuyên môn của các cấp quản lý giáo dục theo từng cấp học, bậc học, ngành học; và (4) dự giờ dạy của giáo viên trường thực tập, đảm bảo đủ số tiết theo quy định. Đối với kiến tập giảng dạy, giáo sinh (1) tìm hiểu về nội dung công việc của người giáo viên chủ nhiệm lớp; nội dung, kế hoạch thực hiện công tác chủ nhiệm lớp; (2) tìm hiểu về hồ sơ công tác chủ nhiệm lớp của một giáo viên, cách phân loại học lực, thể lực, hạnh kiểm của học sinh; và (3) dự tiết sinh hoạt chủ nhiệm; dự các buổi sinh hoạt lớp và các buổi sinh hoạt Đoàn, các buổi sinh hoạt ngoại khóa và văn thể do giáo viên chủ nhiệm chủ trì.

Mục tiêu của TTSP2 là thực tập giảng dạy và thực tập chủ nhiệm với sự hướng dẫn của giáo

viên hướng dẫn tại trường phổ thông. Đối với công tác thực tập giảng dạy, sinh viên (1) dự các buổi sinh hoạt chuyên môn với tổ hoặc nhóm chuyên môn ở trường phổ thông, dự giờ dạy của giáo viên hướng dẫn và giáo viên bộ môn ở trường phổ thông để học hỏi kinh nghiệm giảng dạy; (2) dự giờ và tham gia rút kinh nghiệm, đánh giá giờ dạy của sinh viên trong nhóm thực tập giảng dạy bộ môn; (3) soạn bài và giảng dạy có sự dự giờ và đánh giá của giáo viên hướng dẫn. Đối với thực tập chủ nhiệm, sinh viên (1) nắm tình hình lớp thực tập giáo dục, lập kế hoạch công tác chủ nhiệm lớp trong cả đợt TTSP; (2) sinh hoạt lớp chủ nhiệm; và (3) giáo dục học sinh cá biệt, bồi dưỡng nhân tố điển hình của lớp học sinh. Thông tin về mô hình TTSP của các trường sư phạm trong hệ thống ETEP được trình bày tóm lược trong Bảng 3 dưới đây.

Bảng 3. Mô hình TTSP tại các trường sư phạm trong hệ thống ETEP

Trường đại học	Thực tập sư phạm 1				Thực tập sư phạm 2			
	Số TC	Học kỳ	Thời lượng	Phương thức	Số TC	Học kỳ	Thời lượng	Phương thức
Đại học Sư phạm Hà Nội	3	7	5 tuần	Gửi thẳng	3	8	5 tuần	Gửi thẳng
Đại học Sư phạm Hà Nội 2	3	5	5 tuần	Gửi thẳng	5	8	7 tuần	Gửi thẳng
Đại học Sư phạm - ĐH Đà Nẵng	2	7	3 tuần	Gửi thẳng	4	8	8 tuần	Gửi thẳng
Đại học Sư phạm - ĐH Thái Nguyên	2	5	3 tuần	Gửi thẳng	3	8	7 tuần	Gửi thẳng
Đại học Sư phạm - ĐH Huế	2	5	4 tuần	Gửi thẳng	5	8	7 tuần	Gửi thẳng
Đại học Vinh	1	5	2 tuần	Gửi thẳng	5	8	8 tuần	Gửi thẳng
Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh	2	6	5 tuần	Gửi thẳng	6	8	10 tuần	Gửi thẳng
Học viện Quản lý Giáo dục	3	6	4 tuần	Gửi thẳng	4	8	7 tuần	Gửi thẳng

Thông tin từ Bảng 3 cho thấy một số điểm tương đồng và khác biệt trong cấu trúc TTSP giữa các cơ sở đào tạo sư phạm trong cùng 1 hệ thống. Về sự tương đồng, tất cả các trường trong hệ thống ETEP đều tổ chức TTSP thành 02 đợt: Thực tập sư phạm 1 (TTSP1) và Thực tập sư phạm 2 (TTSP2). Trong cả hai đợt TTSP, tất cả các trường đều triển khai với phương thức gửi thẳng. Cụ thể, sinh viên được tổ chức theo từng đoàn có trưởng đoàn, phó đoàn, và ở tại

trường phổ thông trong suốt thời gian kiến tập và thực tập. Ngoài ra, tất cả các trường đều tổ chức TTSP2 vào học kỳ 8. Tuy nhiên, có sự khác nhau lớn giữa các trường về thời lượng của 2 đợt TTSP. TTSP1 kéo dài từ 2 đến 5 tuần với khối lượng kiến thức từ 1 đến 3 TC và được tổ chức trong khoảng thời gian từ học kỳ 5 đến học kỳ 7. TTSP2 kéo dài từ 5 đến 10 tuần với khối lượng kiến thức từ 3 đến 5 tín chỉ (mỗi TC tương đương với 15 tiết học lý thuyết; 30 - 45

tiết thực hành).^b Nếu so sánh với thời gian và thời lượng TTSP trong chương trình đào tạo của Singapore và Phần Lan thì với mô hình TTSP hiện tại của các trường trong hệ thống ETEP, sinh viên sư phạm chưa được trải nghiệm giáo dục và thực hành sư phạm nhiều.

2.4. Mô hình TTSP của trường Đại học Quy Nhơn và những bất cập trong công tác thực tập cho sinh viên các ngành sư phạm

Theo Công văn số 2468/ĐHQN-ĐTĐH, ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc TTSP1 năm học 2021 - 2022¹⁶ và Công văn số 2480/ĐHQN-ĐTĐH, ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc TTSP2 năm học 2021 - 2022,¹⁷ Mô hình TTSP hiện tại của Trường Đại học Quy Nhơn về căn bản cũng giống mô hình TTSP của những cơ sở đào tạo giáo viên khác ở Việt Nam. TTSP gồm 2 giai đoạn: TTSP1 và TTSP2. TTSP1 được triển khai trong 2 - 3 tuần vào giữa học kỳ 7 tại các trường phổ thông trên địa bàn thành phố Quy Nhơn và TTSP2 trong 8 tuần vào đầu học kỳ 8 với hình thức gửi sinh viên thẳng đến các trường phổ trên 7 tỉnh Nam Trung bộ và Tây nguyên gồm: Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Kon Tum, Gia Lai và Đắk Lắk. Nếu xét về mặt lý thuyết, số khối lượng kiến thức đạt được trong 2 đợt TTSP của sinh viên Trường Đại học Quy Nhơn là tương đối ngang bằng với số lượng kiến thức mà sinh viên của các trường trong hệ thống ETEP đạt được. Cụ thể, tổng số TC cho 2 đợt TTSP theo mô hình TTSP hiện tại của Trường Đại học Quy Nhơn là 6 và tổng số TC cho 2 đợt TTSP của các trường trong hệ thống ETEP dao động từ 5 đến 8 TC. Tuy nhiên, trên thực tế thời gian sinh viên của Trường Đại học Quy Nhơn trải nghiệm kiến tập thấp hơn nhiều so với thời gian mà sinh viên của các trường trong hệ thống ETEP có được do sự khác nhau về thời lượng và phương thức tổ chức TTSP1 của Trường Đại học Quy Nhơn.

Về mặt thời lượng, TTSP1 của Trường Đại học Quy Nhơn kéo dài từ 2 đến 3 tuần trong

khi đó TTSP1 của các trường trong hệ thống ETEP kéo dài từ 3 đến 5 tuần (riêng TTSP1 của Trường Đại học Vinh là 2 tuần). Về phương thức tổ chức TTSP1, các trường trong hệ thống ETEP tổ chức cho sinh viên TTSP1 theo từng đoàn có trường đoàn với hình thức gửi thẳng (sinh viên xuống trường phổ thông và ở lại trường trong suốt thời gian kiến tập). Trong khi đó, sinh viên tham gia TTSP1 của Trường Đại học Quy Nhơn chỉ xuống trường phổ thông và dự giờ (3 tiết dự giờ giảng dạy và 1 tiết dự giờ công tác chủ nhiệm) dù rằng sinh viên được nghỉ học ở Trường trong suốt thời gian TTSP1. Ngoài dự giờ 4 tiết tại trường, sinh viên được yêu cầu tham nhập thực tế để tìm hiểu phân phối chương trình hoạt động ngoài giờ, hướng nghiệp, soạn giáo án, lập kế hoạch tuần về công tác chủ nhiệm, v.v... Mô hình TTSP1 này tồn tại nhiều hạn chế. Thứ nhất, số tiết dự giờ quá ít (4 tiết/2-3 tuần) để sinh viên có thể trải nghiệm và học hỏi. Thậm chí, có trường không thể bố trí dự giờ công tác chủ nhiệm cho sinh viên. Thứ hai, việc thâm nhập thực tế của sinh viên gặp nhiều khó khăn do vai trò và trách nhiệm của các bên liên quan mà cụ thể là trường phổ thông và giáo viên hướng dẫn không được nêu rõ trong văn bản phối hợp giữa Trường Đại học Quy Nhơn, Sở Giáo dục - Đào tạo Bình Định và các trường phổ thông. Vì vai trò phối hợp không được nêu rõ trong văn bản, sinh viên gặp khó khăn để tiếp cận các hoạt động chuyên môn cũng như các hoạt động giáo dục của nhà trường và của giáo viên. Với phương thức tổ chức như hiện nay, có thể nói sinh viên Trường Đại học Quy Nhơn chỉ có thể tiếp cận được công tác giảng dạy và công tác giáo dục ở trường phổ thông qua 4 tiết dự giờ trong đợt TTSP1 trước khi tham gia TTSP2 ở học kỳ tiếp theo. Bốn tiết dự giờ thực hiện trong khoảng thời gian từ 2 đến 3 tuần rõ ràng là một sự lãng phí thời gian đối với sinh viên. Trong khi đó, thời gian TTSP1 của sinh viên tại các trường trong hệ thống ETEP kéo dài từ 2 đến 5 tuần theo phương thức gửi thẳng; do đó, sinh viên có nhiều thời gian để trải nghiệm giáo dục so với thời gian trải nghiệm mà sinh viên Trường Đại học Quy Nhơn có được trong đợt TTSP1.

^b Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 về việc Ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

Nếu so sánh với các mô hình TTSP của các trường sư phạm trong khu vực và trên thế giới thì mô hình TTSP của Trường Đại học Quy Nhơn càng lộ rõ sự khác biệt về thời gian trải nghiệm thực tế và công tác thực tập của sinh viên. Cụ thể, ở Singapore, tổng thời gian sinh viên tham gia kiến tập và thực tập trong khóa học 4 năm là 22 tuần. Trong khi đó, tổng thời gian cho cả 2 đợt thực tập trong 4 năm học của sinh viên tại Trường Đại học Quy Nhơn từ 10 – 11 tuần. Tương tự, khối lượng kiến thức mà sinh viên yêu cầu đạt được ở các trường sư phạm tại Phần Lan tương đương với khối lượng kiến thức của 22 tín chỉ (mỗi tín chỉ bằng 27 giờ học tập) kéo dài trong khóa học 5 năm. Trong khi đó, tổng số tín chỉ cho 2 đợt TTSP tại Trường Đại học Quy Nhơn là 6 tín chỉ (mỗi tín chỉ bằng 12.5 giờ học tập) được tổ chức trong 2 kỳ (kỳ 7 và kỳ 8) của năm cuối trong chương trình học 4 năm. Ngoài ra, sự tham gia của bên liên quan mà cụ thể là sự tham gia của giảng viên và giáo viên hướng dẫn trong công tác TTSP cũng khác nhau. Cụ thể, ở Phần Lan và Singapore, giảng viên ở cơ sở đào tạo tham gia dự giờ và đánh giá sinh viên thực tập; sự phối hợp giữa giảng viên và giáo viên hướng dẫn rất chặt chẽ trong công tác đánh giá TTSP.

3. KẾT LUẬN

Nghiên cứu trên cho thấy mô hình TTSP của Trường Đại học Quy Nhơn còn nhiều hạn chế so với mô hình TTSP của các trường trong hệ thống ETEP, cũng như mô hình TTSP trong khu vực và trên thế giới. Do đó, cải tiến mô hình TTSP trong chương trình đào tạo là hết sức cần thiết để sau khi tốt nghiệp, sinh viên sư phạm có thể đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục nước nhà. Tuy nhiên, để đưa ra mô hình TTSP tốt, phù hợp với điều kiện của Nhà trường, ngoài nghiên cứu các mô hình trong nước và quốc tế, chúng ta cần có thêm cơ sở thực tiễn như ý kiến của các bên liên quan gồm Lãnh đạo Nhà trường, giảng viên, lãnh đạo các trường phổ thông, và cựu sinh viên. Bên cạnh đó, cần có thêm cơ sở lý luận, pháp lý làm nền tảng vững chắc để xây dựng mô hình TTSP mới.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được thực hiện trong khuôn khổ đề tài khoa học công nghệ cấp cơ sở của Trường Đại học Quy Nhơn với mã số T2020.697.45.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2018, ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông, <<https://vanbanphapluat.co/thong-tu-20-2018-tt-bgd-dt-quy-dinh-chuan-nghe-nghiep-giao-vien-co-so-giao-duc-pho-thong>>, truy cập ngày 01/8/2021.
2. OECD(2014) Finland: a non-competitive education for competitive economy, <<https://www.oecd-ilibrary.org/docserver/9789264190672-9-en.pdf?expires=1643239451&id=id&accname=guest&checksum=3B6109C5BD91130EE403D5DE07D7D447>>, truy cập ngày 02/3/2021.
3. L. Darling-Hammond & R. Rothman (eds.). *Teacher and leader effectiveness in high performing education systems*, Alliance for Excellent Education, Washington, DC, 2011.
4. M. Barber & M. Mourshed. *How the World's best-Performing School Systems Come Out on Top*, McKinsey & Company, London, 2007.
5. P. Sahlberg. Educational change in Finland in A. Hargreaves, A. Lieberman, M. Fullan and D. Hopkins (Eds.), *Second international handbook of educational change*, Springer, New York, 2010.
6. P. Sahlberg. *Finnish Lessons: What Can the World Learn from Educational Change in Finland*, Teachers College Press, New York, 2011.
7. E. L. Sokka-Meaney & M. Haring. The role of teaching practice in Finnish teacher education, with particular reference to university teacher training school in Joensuu in M. Cakmak, and M. Gunduz (eds), *Dimensions and emerging themes in teaching practicum: a global perspective*, New York: Routledge, New York, 2019, 37-51.

8. Z. Deng & S. Gopinathan. PISA and high-performing education systems: explaining Singapore's education success, *Comparative Education*, **2016**, 52(4), 449-472.
9. W. C. Liu, G. C. I. Tan & H. Salleh. Developing teacher competency through practice in Singapore in J. C. de Mora, and K. Wood (eds), *Practical knowledge in teacher education: Approaches to teacher internship programmes*, Routledge, New York, 2014.
10. O. Tan, W. Liu, & E. Low. *Teacher education in the 21st century: Singapore's evolution and renovation*, Springer Nature Singapore Pte Ltd, Singapore, 2017.
11. Undergraduate Programmes, <https://www.nie.edu.sg/te-undergraduate/practicum/practicum-structure/undergraduate-programmes>, truy cập ngày 02/3/2021.
12. Phú Chí Hòa. *Giáo dục 4.0 và việc đào tạo giáo viên kiểu 'tiếp nối' tại Trường Đại học Đà Lạt*, Kỷ yếu hội thảo Mô hình đào tạo giáo viên A+B, Hội đồng giáo dục quốc gia và phát triển năng lực, 2020.
13. Trần Bá Tiến & Hoàng Vĩnh Phú. *Xu hướng đào tạo giáo viên trên thế giới và đề xuất vận dụng ở Việt Nam*, Kỷ yếu hội thảo Mô hình đào tạo giáo viên A+B, Hội đồng giáo dục quốc gia và phát triển năng lực, 2020.
14. Thông tư 11/TT-BGDĐT, ngày 05 tháng 04 năm 2021, ban hành chương trình và thực hiện bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên tiểu học, <<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Thong-tu-11-2021-TT-BGDĐT-boi-duong-nghiep-vu-su-pham-nguoi-co-nguyen-vong-giao-vien-tieu-hoc-453220.aspx>>, truy cập ngày 01/8/2021.
15. Thông tư 12/TT-BGDĐT, ngày 05 tháng 04 năm 2021, ban hành chương trình và thực hiện bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên trung học cơ sở, trung học phổ thông, <<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Thong-tu-12-2021-TT-BGDĐT-boi-duong-nghiep-vu-nguoi-co-nguyen-vong-giao-vien-trung-hoc-470288.aspx>>, truy cập ngày 01/8/2021.
16. Công văn số 2468/ĐHQN-ĐTĐH ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc TTSP1 năm học 2021 - 2022.
17. Công văn số 2480/ĐHQN-ĐTĐH ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc TTSP2 năm học 2021 - 2022.